

Dự thảo

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi bảo đảm cho công tác
phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật
và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng

Thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở và Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30/7/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở. Căn cứ theo đó, Sở Tư pháp đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết số 05/2014/NQ-HĐND ngày 15/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở và Nghị quyết số 29/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi bảo đảm cho công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Tuy nhiên, ngày 18/8/2023 Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 56/2023/TT-BTC quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở (có hiệu lực kể từ ngày 06/10/2023), theo đó Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP và Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Theo đó, tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 56/2023/TT-BTC quy định:

“1. Mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở quy định tại Thông tư này là mức chi tối đa... Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định các mức chi cụ thể để thực hiện cho phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối của ngân sách địa phương...”

Từ những lý do nêu trên, việc xây dựng Nghị quyết quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng nhằm thay thế Nghị quyết số 05/2014/NQ-HĐND ngày 15/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở và Nghị quyết số 29/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi bảo đảm cho công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng là rất cần thiết, nhằm bảo đảm văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh phù hợp với quy định của Trung ương.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

- Bảo đảm thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

- Mức chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở đảm bảo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 39/HĐND-VP ngày 19/3/2024; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn số 182/UBND-NC ngày 21/3/2024 giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh khẩn trương xây dựng dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo đúng trình tự, thủ tục luật định, cụ thể:

Sở Tư pháp đã xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp và Ủy ban nhân dân cấp huyện. Đồng thời, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đăng tải toàn văn dự thảo Nghị quyết trên

Công thông tin điện tử của tỉnh thời gian 30 ngày để tổ chức, cá nhân đóng góp ý kiến.

Căn cứ khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 quy định: đối với dự thảo do Sở Tư pháp chủ trì soạn thảo thì Giám đốc Sở Tư pháp thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định. Theo đó, Sở Tư pháp đã ban hành Quyết định số .../QĐ-STP ngày ../.../2024 thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, tổ chức họp Hội đồng tư vấn thẩm định và hoàn chỉnh dự thảo theo ý kiến đóng góp của Hội đồng tư vấn thẩm định.

Ngày.../.../2024, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức cuộc họp thông qua thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh. Tại cuộc họp, các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh đã thảo luận tập thể và biểu quyết thông qua việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức chi bảo đảm cho công tác cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (*thay thế Nghị quyết số 05/2014/NQ-HĐND và Nghị quyết số 29/2014/NQ-HĐND*)

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 03 Điều.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

2.1. Chi công tác phí cho những người đi công tác, kiểm tra, giám sát, bao gồm cả báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật, cộng tác viên, chuyên gia tham gia đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, hòa giải viên; chi tổ chức các cuộc họp (bao gồm cả cuộc họp bầu hòa giải viên, bầu tổ trưởng tổ hòa giải), hội nghị chuyên đề, hội nghị tổng kết, sơ kết, triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở, các Chương trình, đề án, kế hoạch: Nội dung và mức chi thực hiện theo Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2.2. Chi tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật, hoà giải ở cơ sở cho cán bộ, công chức, viên chức; báo cáo viên pháp luật; tuyên truyền viên pháp luật và người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật; hoà giải viên ở cơ sở; người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số theo khoản 3 Điều 17 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho người khuyết tật theo khoản 3 Điều 20 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật: Nội dung và

mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi điểm m Khoản 2 Điều 2 của Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Nội dung và mức chi hỗ trợ tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ, tiền phương tiện đi lại đối với học viên là đại biểu ở cấp xã thực hiện theo mức chi hỗ trợ đối với đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp quy định tại Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2.3. Chi tổ chức họp báo, hội thảo, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở, giải pháp thực hiện chương trình, đề án, hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh; cấp huyện; Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật cấp huyện, Ban chỉ đạo các chương trình, đề án về phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở (bao gồm: Chi tổ chức các cuộc hội thảo, các phiên họp định kỳ, đột xuất của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Tổ Thư ký giúp việc Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Ban chỉ đạo, họp tư vấn, thẩm định của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật cấp huyện):

Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Chi tổ chức cuộc họp đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của cấp xã: Nội dung và mức chi chủ trì và các thành viên tham dự thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2.4. Chi biên soạn, biên dịch tài liệu phục vụ phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và thực hiện thông tin, truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng:

a) Chi biên soạn đồ họa thông tin pháp luật: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 83/2021/TT-BTC ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo

viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông.

b) Chi xây dựng chương trình, chuyên mục; in ấn các ấn phẩm, tài liệu; sản xuất, phát hành các băng rôn, khẩu hiệu, băng, đĩa để phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở; thực hiện truyền thông trên báo, tạp chí, đài truyền hình, tập san, bản tin, thông tin lưu động, triển lãm chuyên đề, làm bảng thông tin và hộp tin: Nội dung và mức chi thực hiện theo định mức, đơn giá của các ngành có công việc tương tự và theo chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm.

2.5. Chi biên soạn một số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở đặc thù:

a) Tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định):

- Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/tờ gấp đã hoàn thành;
- Cấp huyện: 1.300.000 đồng/tờ gấp đã hoàn thành;
- Cấp xã: 1.100.000 đồng/tờ gấp đã hoàn thành.

b) Tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định):

- Cấp tỉnh: 450.000 đồng/tình huống đã hoàn thành;
- Cấp huyện: 400.000 đồng/tình huống đã hoàn thành;
- Cấp xã: 350.000 đồng/tình huống đã hoàn thành.

c) Câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định):

- Cấp tỉnh: 2.250.000 đồng/câu chuyện đã hoàn thành;
- Cấp huyện: 1.800.000 đồng/câu chuyện đã hoàn thành;
- Cấp xã: 1.600.000 đồng/câu chuyện đã hoàn thành.

d) Tiểu phẩm pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia)

- Cấp tỉnh: 7.500.000 đồng/tiểu phẩm đã hoàn thành;
- Cấp huyện: 6.500.000 đồng/tiểu phẩm đã hoàn thành;
- Cấp xã: 5.500.000 đồng/tiểu phẩm đã hoàn thành.

2.6. Chi xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, Ban chỉ đạo các chương trình, đề án, kế hoạch, gồm:

a) Xây dựng đề cương:

- Đề cương chi tiết:

+ Cấp tỉnh: 1.200.000 đồng/đề cương;

+ Cấp huyện: 1.000.000 đồng/đề cương;

+ Cấp xã: 800.000 đồng/đề cương.

- Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát:

+ Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/đề cương hoàn chỉnh;

+ Cấp huyện: 1.500.000 đồng/đề cương hoàn chỉnh;

+ Cấp xã: 1.000.000 đồng/đề cương hoàn chỉnh.

b) Soạn thảo chương trình, đề án, kế hoạch:

- Chương trình, đề án, kế hoạch:

+ Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/chương trình, đề án, kế hoạch;

+ Cấp huyện: 2.500.000 đồng/chương trình, đề án, kế hoạch;

+ Cấp xã: 2.000.000 đồng/chương trình, đề án, kế hoạch.

- Báo cáo tiếp thu, tổng hợp ý kiến:

+ Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo;

+ Cấp huyện: 400.000 đồng/báo cáo;

+ Cấp xã: 300.000 đồng/báo cáo.

c) Tổ chức họp, tọa đàm góp ý:

- Chủ trì:

+ Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/buổi;

+ Cấp huyện: 150.000 đồng/người/buổi;

+ Cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.

- Thành viên tham dự:

+ Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi;

+ Cấp huyện: 80.000 đồng/người/buổi;

+ Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi;

d) Ý kiến tư vấn của chuyên gia:

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/văn bản;

- Cấp huyện: 400.000 đồng/văn bản;

- Cấp xã: 300.000 đồng/văn bản.

đ) Xét duyệt chương trình, đề án, kế hoạch:

- Chủ tịch Hội đồng:

- + Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/buổi;
- + Cấp huyện: 150.000 đồng/người/buổi;
- + Cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.

- Thành viên Hội đồng, thư ký:

- + Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi;
- + Cấp huyện: 120.000 đồng/người/buổi;
- + Cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.

- Đại biểu được mời tham dự:

- + Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi;
- + Cấp huyện: 80.000 đồng/người/buổi;
- + Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

- Nhận xét, phản biện của Hội đồng:

- + Cấp tỉnh: 300.000 đồng/bài viết;
- + Cấp huyện: 250.000 đồng/bài viết;
- + Cấp xã: 200.000 đồng/bài viết.

- Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng:

- + Cấp tỉnh: 200.000 đồng/bài viết;
- + Cấp huyện: 150.000 đồng/bài viết;
- + Cấp xã: 100.000 đồng/bài viết.

e) Ý kiến thẩm định (đối với trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt chương trình, đề án, kế hoạch):

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/bài viết;
- Cấp huyện: 400.000 đồng/bài viết;
- Cấp xã: 300.000 đồng/bài viết.

g) Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch:

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/văn bản;
- Cấp huyện: 400.000 đồng/văn bản;
- Cấp xã: 300.000 đồng/văn bản.

2.7. Chi thù lao

Thù lao báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, hoà giải viên cơ sở, người được mời tham gia thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở; hướng dẫn sinh hoạt chuyên đề Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nòng cốt với tư cách là giảng viên: Thực hiện theo chế độ

thù lao giảng viên quy định tại Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi điểm m Khoản 2 Điều 2 của Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Trường hợp thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù theo quy định tại các Điều 17, 18, 19, 20, 21, 22 của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật được hưởng thêm 20% mức thù lao được nhận.

2.8. Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt

a) Chi hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho thành viên tham gia hội nghị ra mắt Câu lạc bộ pháp luật: 50.000 đồng/người/ngày (không quá 1 ngày);

b) Chi tiền nước uống cho người dự sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt: 20.000 đồng/người/buổi.

2.9. Chi tổ chức cuộc thi, hội thi:

a) Chi tổ chức cuộc thi, hội thi viết, thi sân khấu, trên internet về tìm hiểu pháp luật, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở, bao gồm:

- Chi hỗ trợ tiền ăn, ở cho thành viên ban tổ chức, các ban, tiểu ban, hội đồng trong những ngày tham gia trực tiếp tổ chức cuộc thi theo quyết định của cấp có thẩm quyền: Chi hỗ trợ tiền ăn, ở cho thí sinh tham gia cuộc thi (kể cả ngày tập luyện và thi, tối đa không quá 10 ngày): Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Cán bộ, công chức, viên chức đã được hưởng khoản hỗ trợ tiền ăn, ở thì không được thanh toán công tác phí ở cơ quan;

- Chi tổ chức cuộc thi, hội thi sân khấu, thi trên mạng internet, thi trên sóng phát thanh - truyền hình có thêm chi thuê dẫn chương trình, thuê diễn văn nghệ lồng ghép tiểu phẩm pháp luật; chi phí hậu kỳ, hội trường, trang thiết bị và các khoản chi khác phục vụ cuộc thi: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này và theo chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm.

b) Chi biên soạn đề thi, xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, bồi dưỡng thành viên ban tổ chức, các ban, tiểu ban, hội đồng và một số nội dung chi khác để phục vụ tổ chức cuộc thi: Nội dung và mức chi thực hiện theo Nghị quyết số

05/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định một số nội dung chi, mức chi tổ chức kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

c) Chi tổ chức cuộc thi sân khấu, thi trên internet, có thêm mức chi đặc thù sau:

- Thuê dẫn chương trình: Tùy theo quy mô, cấp tổ chức, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức cuộc thi quyết định.

- Thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi sân khấu: Tùy theo quy mô, cấp tổ chức, địa bàn tổ chức cuộc thi, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức cuộc thi quyết định.

- Thuê văn nghệ, diễn viên: 450.000 đồng/người/ngày.

d) Chi giải thưởng: Tùy theo quy mô và địa bàn tổ chức cuộc thi để quyết định mức chi giải thưởng cụ thể nhưng không vượt định mức chi tối đa quy định tại điểm này, như sau:

- Giải nhất:

+ Tập thể: (Cấp tỉnh: 15.000.000 đồng; cấp huyện: 12.000.000 đồng; cấp xã: 8.000.000 đồng);

+ Cá nhân: (Cấp tỉnh: 9.000.000 đồng; cấp huyện: 8.000.000 đồng; cấp xã: 6.000.000 đồng).

- Giải nhì:

+ Tập thể: (Cấp tỉnh: 10.500.000 đồng; cấp huyện: 8.500.000 đồng; cấp xã: 5.500.000 đồng);

+ Cá nhân: (Cấp tỉnh: 4.500.000 đồng; cấp huyện: 3.500.000 đồng; cấp xã: 2.500.000 đồng).

- Giải ba:

+ Tập thể: (Cấp tỉnh: 7.500.000 đồng; cấp huyện: 6.500.000 đồng; cấp xã: 5.500.000 đồng);

+ Cá nhân: (Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng; cấp huyện: 2.000.000 đồng; cấp xã: 1.500.000 đồng).

- Giải khuyến khích:

+ Tập thể: (Cấp tỉnh: 4.500.000 đồng; cấp huyện: 3.500.000 đồng; cấp xã: 2.500.000 đồng);

+ Cá nhân: (Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng; cấp huyện: 1.000.000 đồng; cấp xã: 800.000 đồng).

- Giải phụ khác:

Cấp tỉnh: 750.000 đồng; cấp huyện: 700.000 đồng; cấp xã: 600.000 đồng.

2.10. Chi thực hiện báo cáo thống kê về hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở

a) Thu thập thông tin, xử lý số liệu báo cáo:

- Cấp tỉnh: 75.000 đồng/báo cáo;
- Cấp huyện: 55.000 đồng/báo cáo;
- Cấp xã: 35.000 đồng/báo cáo.

b) Báo cáo:

- Cấp tỉnh: 4.500.000 đồng/báo cáo ;
- Cấp huyện: 3.000.000 đồng/báo cáo;
- Cấp xã: 2.000.000 đồng/báo cáo.

2.11. Các khoản chi công tác hòa giải ở cơ sở:

a) Chi thù lao cho hòa giải viên (đối với các hòa giải viên trực tiếp tham gia vụ, việc hòa giải): 300.000 đồng/vụ, việc. Trường hợp vụ, việc hòa giải thành theo Điều 24 Luật Hòa giải ở cơ sở: 400.000 đồng/vụ, việc;

b) Hỗ trợ chi phí y tế cho việc cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút đối với hòa giải viên bị tai nạn trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở (bao gồm cả trường hợp hòa giải viên bị tai nạn được cứu chữa, bồi dưỡng, chăm sóc trước khi chết) được thực hiện như sau:

- Đối với người bị tai nạn có tham gia bảo hiểm y tế thì việc thanh toán chi phí y tế cho cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút đối với người bị tai nạn được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế;

- Đối với người bị tai nạn không tham gia bảo hiểm y tế ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí y tế cho việc cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút bằng mức hưởng chi phí khám bệnh, chữa bệnh của đối tượng tham gia bảo hiểm y tế được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 22 của Luật Bảo hiểm y tế (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

c) Hỗ trợ thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút đối với hòa giải viên bị tai nạn trong thời gian cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-BYT ngày 09 tháng 7 năm 2013 của Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Y tế hướng dẫn quy trình, thủ tục, hồ sơ, mức hỗ trợ người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe;

d) Hỗ trợ chi phí mai táng cho người tổ chức mai táng hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro bị thiệt hại về tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở: 05 tháng lương cơ sở;

đ) Chi hỗ trợ hoạt động của tổ hòa giải (chi mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hòa giải): 150.000 đồng/tổ hòa giải/tháng.

2.12. Những nội dung chi, mức chi không quy định tại Nghị quyết này thì áp dụng theo mức chi quy định tại Điều 3 Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở.

Trên đây là dự thảo Nghị quyết quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

(Xin gửi kèm theo: Dự thảo Nghị quyết; bản tổng hợp, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị; bản chụp ý kiến góp ý).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: HC, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**